

Nâng cao - tham khảo

MỘT SỐ YẾU TỐ XÃ HỘI HỌC ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG KHÁNG SINH TRONG CHĂN NUÔI LỢN TẠI BẮC NINH

Trần Minh Hằng¹, Mạc Thị Công Lý², Nguyễn Việt Hùng³,
Britt Pinkowski Tersbol⁴, Đặng Thị Thanh Sơn⁵, Anders Dalsgaard⁴

I. GIỚI THIỆU

Tỉnh Bắc Ninh là một trong những cửa ngõ phía Bắc của thủ đô Hà Nội, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm, nối các huyết mạch giao thông quan trọng ở phía Bắc. Bên cạnh đó, Bắc Ninh có ngành chăn nuôi lợn phát triển với tổng đàn khoảng 300 nghìn con, cung cấp nguồn thực phẩm đầy đủ cho nhân dân trong và ngoài tỉnh. Nghiên cứu: “*Sức khỏe và kháng sinh trong chăn nuôi lợn ở Việt Nam*” được tiến hành tại 4 huyện của tỉnh Bắc Ninh là Từ Sơn, Tiên Du, Yên Phong và Thuận Thành. Đây đều là những khu vực có tốc độ phát triển kinh tế và thu hút vốn đầu tư nước ngoài cao, tập trung nhiều khu công nghiệp, dân cư đông, chăn nuôi phát triển. Để có nguồn cung ứng thực phẩm ổn định và chủ động cho vùng dân cư đông đúc, ngành chăn nuôi của tỉnh đã có những kế hoạch đảm bảo sản lượng và chất lượng nguồn thực phẩm an toàn.

Kháng sinh được dùng trong chăn nuôi lợn nhằm phòng bệnh cho vật nuôi và điều trị những bệnh nhiễm khuẩn khi con vật có dấu hiệu mắc bệnh. Kháng sinh được trộn vào thức ăn chăn nuôi nhằm mục đích kích thích sinh trưởng, tăng cường sự chuyển hóa thức ăn của động vật và giảm thời gian chăm sóc, lượng thức ăn tiêu thụ trong suốt quá trình chăn nuôi. Việc sử dụng kháng sinh chưa được kiểm soát tốt làm gia tăng nguy cơ lây nhiễm vi khuẩn kháng thuốc ở người và động vật, tồn dư kháng sinh trong sản phẩm thịt lợn góp phần làm gia tăng nguy cơ kháng thuốc ở người. Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT Điều 5, Mục 4 quy định về việc kê đơn

thuốc thú y có thành phần kháng sinh trong thức ăn chăn nuôi nhằm mục đích phòng bệnh, trị bệnh cho gia súc, gia cầm cần được thực hiện bởi bác sĩ thú y có chứng chỉ hành nghề. Đơn kê phải có tên thuốc, hoạt chất, công dụng, liều dùng, thời gian sử dụng và ngừng thuốc; đảm bảo không gây kháng thuốc và tồn dư kháng sinh, hóa chất ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm và những khuyến cáo khác.

Nghiên cứu gần đây của tác giả Phạm Đức Phúc và cs. (2019) về “Kiến thức, thái độ, thực hành sử dụng kháng sinh và kháng kháng sinh trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản ở Việt Nam” đã phỏng vấn 392 bảng câu hỏi đối với người chăn nuôi lợn, gà và thủy sản ở 6 tỉnh/thành phố ở Việt Nam. Kết quả cho thấy người dân sử dụng kháng sinh chủ yếu với mục đích điều trị (69%), bên cạnh đó họ còn sử dụng với mục đích khác như phòng bệnh khi có dịch bệnh, thời tiết thay đổi, vật nuôi xung quanh bị mắc bệnh... Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng kiến thức và thái độ tốt có ảnh hưởng đến thực hành. Tuy nhiên, những người có kiến thức tốt về kháng sinh và những người có kiến thức hạn chế hơn không có sự khác biệt lớn về kết quả thực hành (Phạm Đức Phúc và cs., 2019).

Một nghiên cứu khác về sử dụng kháng sinh ở Việt Nam là “Nghiên cứu bước đầu về việc sử dụng kháng sinh trong chăn nuôi lợn và gia cầm ở khu vực sông Hồng Việt Nam” được tiến hành bởi tác giả Phạm Kim Đăng và cs. (2013), thực hiện bằng phương pháp định lượng, sử dụng bảng hỏi khảo sát 270 hộ chăn nuôi. Kết quả cho thấy kháng sinh không chỉ dùng để điều trị bệnh mà còn dùng để phòng bệnh và thúc đẩy tăng trưởng, kháng sinh

¹ Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam

² Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

³ Viện Nghiên cứu chăn nuôi quốc tế (ILRI)

⁴ Đại học Copenhagen, Đan Mạch

⁵ Viện Thú y

được sử dụng nhiều không chỉ do người chăn nuôi mà còn bị lạm dụng bởi bác sĩ thú y. Nghiên cứu đưa ra một số khuyến nghị trong việc quản lý và sử dụng kháng sinh như: tăng cường mạng lưới thú y, hướng dẫn sử dụng kháng sinh, thiết lập hệ thống giám sát dư lượng kháng sinh và an toàn thực phẩm, nâng cao, cải thiện nhận thức và đạo đức của nhà sản xuất và bán thuốc thú y. Mặc dù nghiên cứu này đã mô tả thực trạng sử dụng kháng sinh trong chăn nuôi ở đồng bằng sông Hồng nhưng chưa giải thích nguyên nhân và phân tích sâu những yếu tố tác động đến việc sử dụng rộng rãi kháng sinh trong chăn nuôi hiện nay.

Theo nghiên cứu của Dương Thị Toan và Nguyễn Văn Lưu (2015), việc lạm dụng kháng sinh là do nhận thức của người chăn nuôi còn hạn chế và thực hiện theo lời khuyên của các cửa hàng và các công ty thuốc thú y. Nghiên cứu cũng thống kê và xác định hàm lượng những loại kháng sinh thường sử dụng trong chăn nuôi. Tuy nhiên, nghiên cứu này chưa phân tích tác động của việc sử dụng kháng sinh không đúng cách trong chăn nuôi đối với sức khỏe của con người và vật nuôi.

Tóm lại, các nghiên cứu trong và ngoài nước đã cho thấy tình trạng lạm dụng kháng sinh trong chăn nuôi hiện nay và những nguy cơ của tình trạng này. Tuy nhiên, những nghiên cứu sâu để lý giải cho việc quyết định sử dụng kháng sinh của người chăn nuôi và phân tích tác động của các yếu tố liên quan còn nhiều hạn chế. Nghiên cứu của chúng tôi sử dụng cách tiếp cận Nhân học với phương pháp phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm, quan sát tham gia nhằm tìm hiểu thực tế và các yếu tố tác động đến việc sử dụng kháng sinh trong chăn nuôi lợn tại tỉnh Bắc Ninh, từ đó đưa ra một số đề xuất khuyến nghị về chính sách và giải pháp nhằm góp phần giảm tình trạng lạm dụng kháng sinh.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp thảo luận nhóm (TLN), phỏng vấn sâu (PVS) và quan sát tham gia (QSTG) là phương pháp chính trong nghiên cứu. Dữ liệu thực địa được thu thập từ tháng 8/2018 đến tháng 7/2019. Phương pháp thảo luận nhóm với các hộ/trang trại có quy mô chăn nuôi khác nhau của 4 huyện Yên Phong, Từ Sơn, Tiên Du và Thuận Thành. Tại mỗi huyện, nhóm nghiên cứu đã tiến hành thảo luận với 3 nhóm

chủ hộ của các mô hình (quy mô lớn, trung bình, nhỏ); mỗi nhóm từ 5-6 người và các cán bộ thú y, nhân viên tiếp thị và chủ cửa hàng thuốc. Các thành viên tham gia thảo luận về thực tế chăn nuôi tại các địa phương, sử dụng kháng sinh trong chăn nuôi, các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng kháng sinh trong quá trình chăn nuôi. Bên cạnh đó, phương pháp PVS và QSTG tại các hộ chăn nuôi và các trang trại giúp tìm hiểu, quan sát, thu thập thông tin thực tế về sử dụng kháng sinh cho đàn lợn. Tổng số PVS 37 chủ hộ chăn nuôi, 9 cán bộ thú y địa phương, 6 cộng tác viên thú y, 5 nhân viên tiếp thị thuốc và thức ăn chăn nuôi, 6 người bán thuốc thú y và 3 người bán thức ăn chăn nuôi; 9 TLN (49 người tham gia) với các hộ chăn nuôi lợn quy mô khác nhau và 7 quan sát trực tiếp tại hộ/trang trại chăn nuôi đã được thực hiện. Số liệu định tính được phân tích bằng phần mềm NVivo.

Ngoài ra, thông tin về sử dụng kháng sinh cũng được thu thập bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp 110 chủ hộ chăn nuôi ở 4 huyện nêu trên thông qua bộ câu hỏi phỏng vấn. Mẫu nghiên cứu được lựa chọn ngẫu nhiên và số liệu được phân tích bằng phần mềm SPSS.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng sử dụng kháng sinh trong chăn nuôi lợn

3.1.1. Sử dụng kháng sinh với mục đích phòng bệnh

Kết quả PVS cho thấy có 24/37 hộ chăn nuôi có sử dụng kháng sinh với mục đích phòng bệnh. Kháng sinh được dùng để phòng bệnh cho vật nuôi theo từng lứa tuổi của lợn và chủ yếu ở lợn cai sữa. Tại một số hộ, kháng sinh được sử dụng phòng bệnh khi có dịch xảy ra, thời điểm lợn tách mẹ hay thay đổi thời tiết, thức ăn chăn nuôi. Ngoài ra, nếu phát hiện một con trong đàn mắc bệnh, người chăn nuôi sẽ sử dụng kháng sinh với mục đích dự phòng cho tất cả các con còn lại. Các loại kháng sinh được người chăn nuôi dùng phổ biến hiện nay bao gồm: florphenicol, oxytetracycline, enrofloxacin, tylosin, gentamicin, doxycycline, colistin, amoxicillin, tiamulin. Đây là các kháng sinh được khuyến cáo dùng để trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, viêm phổi, tiêu chảy, viêm vú, viêm tử cung. Liều lượng phòng bệnh thường nhiều hơn, có trường hợp gấp đôi, thậm chí gấp 3 liều khuyến cáo của nhà sản xuất. Người

chăn nuôi thường mua thuốc kháng sinh tại các cửa hàng bán thuốc thú y. Các cửa hàng này thường làm đại lý cho một số công ty lớn như Hanvet, Bio - Pharmachemie, Greenvet, Biovet, Toàn Thắng.

Cũng theo kết quả phỏng vấn trực tiếp, việc sử dụng kháng sinh phòng bệnh thường do tác động của các cửa hàng thuốc. Nhìn chung, kháng sinh được sử dụng với mục đích phòng bệnh tiêu chảy và hô hấp cho lợn chủ yếu ở giai đoạn từ 10 - 30kg. Đối với quy mô trang trại, việc phòng bệnh thường được thực hiện bởi sự tư vấn của công ty thuốc hoặc nhân viên kỹ thuật của công ty cám. Việc sử dụng kháng sinh phòng bệnh được tiến hành định kỳ: *“Nói chung ở đây chỉ có 2 loại thôi: một là dự phòng tiêu chảy, hai là dự phòng bệnh phổi. Heo thịt đây chủ yếu định kỳ mình trộn thuốc thôi. Có biểu hiện chớm nhiễm khuẩn hay gì đấy gây hiện tượng khức khắc như ho thì mình trộn thuốc, mỗi tháng định kỳ mình trộn 1 lần.... Quy trình trộn của tôi là 5 ngày, dòng sản phẩm là Flo-doxy (Florfenicol - doxycycline) và có 2 loại nữa là tiamulin và amoxicillin, từ heo cai sữa đến heo trước khi xuất bán 1 tháng. Lợn nái cứ định kỳ trước khi đẻ 1 tuần trộn phòng cái như cũ là amox. Chỉ dùng amox thôi”* (PVS Nguyễn Thị H., quy mô trang trại, huyện Yên Phong).

Đối với các trang trại chăn nuôi, việc sử dụng kháng sinh phòng bệnh chủ yếu do nhân viên kỹ thuật của công ty thuốc và thức ăn chăn nuôi quyết định. Đối với cơ sở chăn nuôi quy mô nông hộ và gia trại, việc sử dụng kháng sinh bị ảnh hưởng nhiều bởi cửa hàng bán thuốc thú y và kinh nghiệm của người chăn nuôi. Người chăn nuôi thường mua thuốc ở các cửa hàng thuốc thú y bằng cách đọc tên thuốc hoặc miêu tả triệu chứng, sau đó cửa hàng thuốc thú y sẽ tư vấn, bán thuốc điều trị: *“Lắm lúc cái nào mình hiểu rồi thì mình không cần phải hỏi nữa. Mình chỉ cần đọc tên thuốc, bảo để cho cái thuốc này, đọc tên thuốc cái là người ta đưa cho mình thôi. Thế nhưng mà cái bệnh nào mình không hiểu thì mình lại phải hỏi người ta”* (PVS Nguyễn Văn V., quy mô gia trại, huyện Thuận Thành).

Có thể thấy, việc dùng kháng sinh để phòng bệnh cho lợn như một biện pháp tâm lý nhằm giúp cho người dân chăn nuôi yên tâm hơn trong hoạt động sản xuất của mình. Việc đảm bảo sức khỏe cho vật nuôi đến khi xuất chuồng với mục đích

bảo toàn tài sản của họ. Kháng sinh dùng để phòng bệnh trong thời gian dài là nguy cơ làm cho vi khuẩn thích ứng và “nhờn thuốc”. Khi vật nuôi bị bệnh, kháng sinh không còn hiệu quả trong việc điều trị nên phải sử dụng liều lượng cao hơn hoặc đổi thuốc khác, có thể dẫn đến tình trạng không có thuốc để điều trị. Kháng thuốc là nguyên nhân gây thiệt hại kinh tế, làm tăng chi phí chăn nuôi và kéo dài thời gian trị bệnh, gây ảnh hưởng tới sức khỏe vật nuôi. Điều đó gây cản trở cho việc điều trị của vật nuôi sau này. Bên cạnh đó, việc sử dụng kháng sinh thường xuyên sẽ làm rối loạn hệ vi sinh vật đường ruột trong cơ thể vật nuôi. Khi kháng sinh vào cơ thể có thể tiêu diệt những vi khuẩn có lợi và làm thay đổi hệ vi sinh vật trong đường ruột.

3.1.2. Sử dụng kháng sinh trong điều trị bệnh

Kết quả từ PVS và TLN cho thấy người chăn nuôi thường tự sử dụng kháng sinh và tiêm tăng liều (từ 1-3 lần) so với hướng dẫn của nhà sản xuất để mong vật nuôi nhanh khỏi bệnh, trường hợp tăng liều chủ yếu được thực hiện đối với thuốc sản xuất trong nước. Số liệu từ sổ ghi chép chăn nuôi của hộ gia đình về thực hành kháng sinh với mục đích điều trị cho thấy 44,3% hộ tiêm tăng liều; 2,6% giảm liều điều trị và 53,6% tiêm đúng liều lượng so với hướng dẫn.

Xuất phát từ nhiều nguyên nhân dẫn đến việc tiêm tăng liều như giá cả, tâm lý lo lắng, mức độ nghiêm trọng về bệnh tật của vật nuôi... đã tác động đến việc tăng liều thuốc kháng sinh của người dân khi sử dụng: *“Vì cũng có thể chúng tôi nóng ruột quá. Nó bị dai dẳng, kéo dài cũng có thể tăng liều. Không phải con nào, đàn nào cũng tăng. Bao giờ có đàn kéo dài quá thì chúng tôi tăng”* (TLN, quy mô gia trại, huyện Tiên Du).

Thực tế cho thấy trong việc dùng thuốc kháng sinh, nếu vật nuôi 3 ngày không khỏi bệnh thì chủ hộ tiến hành đổi thuốc. Việc đổi thuốc được khuyến cáo bởi cửa hàng thuốc và bác sĩ thú y mà hầu hết các trường hợp chưa qua kiểm tra kháng sinh đồ. Việc tiêm tăng liều này xuất phát từ kinh nghiệm thực tế và hướng dẫn của người bán thuốc, bác sĩ thú y. Nếu tăng liều kéo dài sẽ kéo dài quá trình đào thải kháng sinh ra ngoài môi trường và gây ra tồn dư thuốc trong các sản phẩm chăn nuôi nếu như con vật đến thời kỳ xuất bán.

Trong một số trường hợp điều trị bằng thuốc thú y cho vật nuôi không khỏi, người chăn nuôi còn sử dụng thuốc kháng sinh của người để điều trị. Người dân chia sẻ trong một số trường hợp việc dùng thuốc của người để điều trị khi lợn mắc bệnh hiệu quả hơn thuốc thú y. Việc sử dụng thuốc kháng sinh của người cho vật nuôi là do các hộ chăn nuôi chia sẻ kinh nghiệm với nhau. Một số loại kháng sinh của người thường được sử dụng để điều trị cho vật nuôi như: Becberin, cloxit điều trị bệnh tiêu chảy; gentamicin, lincomycin trộn với nhau trị các bệnh liên quan đến đường hô hấp như ho, suyễn.

3.2. Một số yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng kháng sinh trong chăn nuôi

3.2.1. Mối quan hệ giữa những người cùng chăn nuôi

Trong việc sử dụng kháng sinh, ngoài dựa vào kinh nghiệm của bản thân, người dân còn dựa vào mối quan hệ của mình với hàng xóm hoặc những người chăn nuôi khác để giúp họ chăn nuôi hiệu quả hơn. Những người hàng xóm này có thể là anh em, bạn bè của họ. Với những điểm tương đồng như độ tuổi, hình thức chăn nuôi, tính chất công việc, khu vực địa lý... họ có thể dễ dàng chia sẻ thông tin với nhau dựa vào mối quan hệ xã hội, mức độ tình cảm, kiến thức. Tuy nhiên, đặc điểm của mỗi nhóm có thể dẫn tới sự tiếp nhận thông tin, kiến thức khác nhau. Chẳng hạn, những hộ chăn nuôi nhỏ và vừa thường học hỏi những hộ chăn nuôi lớn trong kinh nghiệm điều trị (cách dùng thuốc, liều lượng, tiêm phòng vacxin, loại thức ăn, thông tin dịch bệnh...) vì họ có nhiều kinh nghiệm ứng phó với các loại bệnh của vật nuôi hơn.

Trong bối cảnh phát triển của công nghệ thông tin như hiện nay, sự trao đổi đó thường được tiến hành qua điện thoại, hay các mạng xã hội khác như facebook, zalo: *“Có thể vùng nọ vùng kia, người ta nhận được thông tin thì anh em tự báo với nhau là cái vùng nọ vùng kia đang dịch bệnh”* (Nguyễn Xuân X, Hộ chăn nuôi quy mô lớn, Yên Phong). Sự trao đổi kinh nghiệm giữa các thành viên trong nhóm đôi khi mang lại kết quả trong việc chữa bệnh: *“Mình kể là nhà tôi có đàn lợn bị như này. Chẳng may nhà ông kia cũng từng bị thế, ông ấy chỉ cho, mình về chữa là khỏi”* (TLN quy mô nhỏ, Thuận Thành).

Đối với hộ quy mô trang trại càng lớn thì sự tương tác trao đổi trực tiếp càng hạn chế, chủ yếu qua điện thoại hoặc tại một không gian khác ở ngoài khu chăn nuôi như quán nước, nơi hội họp, bởi việc tiếp xúc trực tiếp tại các trang trại dễ làm tăng nguy cơ lây nhiễm mầm bệnh đến trang trại của nhau. Đặc biệt vào thời điểm dịch bệnh, các trang trại lớn còn thực hiện hiện quy định “cấm trại”, không giao lưu với bên ngoài: *“Có khi nhà mình không bị dịch bệnh nhưng mình sang nhà khác chơi là mình mang mầm bệnh về nhà mình. Vì vậy, các trại ít qua lại thăm nhau. Có gì thì điện thoại thôi, hầu như là điện thoại hỏi han”* (Nguyễn Văn X, hộ chăn nuôi quy mô vừa, Thuận Thành).

3.2.2. Vai trò của các cửa hàng bán thuốc thú y

Theo thông tư số 51/2009/TT-BNNPTNT quy định người bán thuốc thú y phải có chứng chỉ hành nghề kinh doanh thú y mới được phép bán hàng. Những người này phải có bằng cấp là đại học hoặc trung cấp về thú y. Họ là những người được đào tạo qua trường lớp thú y hoặc cán bộ thú y trong xã. Hiện nay, người chăn nuôi chủ yếu tự điều trị dựa vào kinh nghiệm và tư vấn từ cửa hàng thuốc. Do đó cửa hàng thuốc đóng vai trò là cầu nối, tư vấn cho người dân sử dụng loại thuốc kháng sinh, liều lượng, thời gian điều trị. Khi vật nuôi bị bệnh, dựa vào triệu chứng, người dân sẽ ra cửa hàng thú y để mua thuốc điều trị. Họ có thể miêu tả triệu chứng thông qua việc kể bệnh, một số khác chụp ảnh, quay video để người bán thuốc chẩn đoán chính xác hơn. Những người bán thuốc ở cửa hàng sẽ tư vấn loại thuốc, hướng dẫn cách tiêm (liều lượng, thời gian tiêm...) cho người dân: *“Chủ cứ bị bệnh chủ sẽ lên hiệu thuốc, có thể chụp ảnh hoặc tả bệnh và mua thuốc về tự tiêm lấy”* (Nguyễn Tiến X, Thuận Thành).

Đối với những người dân có kinh nghiệm chăn nuôi nhiều năm và số lượng lớn, họ có thể tự chẩn đoán bệnh của vật nuôi và mua loại thuốc họ cần mà không nhờ tư vấn. Mỗi cửa hàng thuốc thú y thường làm đại lý cho một hoặc nhiều công ty thuốc, do đó, họ sẽ được nhân viên kỹ thuật, nhân viên thị trường của công ty thuốc hỗ trợ khi cần. Mặt khác, họ còn đóng vai trò trung gian, cầu nối giữa người dân chăn nuôi với nhân viên tiếp thị (đôi khi cũng là nhân viên kỹ thuật) khi sử dụng thuốc của công ty họ. Những hộ chăn nuôi lớn

thường mua thuốc tại cửa hàng thuốc thú y khi trang trại của họ có lợn bị bệnh, cần tư vấn hỗ trợ thì cửa hàng thú y sẽ cử nhân viên kỹ thuật đến chẩn đoán và điều trị bệnh, tư vấn và bán thuốc, giá thuốc sẽ được chiết khấu với giá thành rẻ hơn hộ chăn nuôi quy mô nhỏ.

Mối quan hệ giữa người chăn nuôi với các cửa hàng thuốc thú y tư nhân có vai trò đặc biệt quan trọng, là mắt xích chính trong mạng lưới phân phối và sử dụng kháng sinh hiện nay. Việc đưa ra lời khuyên, chẩn đoán chính xác căn bệnh hay không đều ảnh hưởng đến việc thực hành của người chăn nuôi, tác động đến việc kiểm soát lượng kháng sinh sử dụng. Qua phỏng vấn và quan sát, chúng tôi nhận thấy hầu hết người bán thuốc đều tư vấn cho người chăn nuôi tiêm tăng liều kháng sinh so với hướng dẫn của nhà sản xuất, một số khác tư vấn cho người dân mua kháng sinh về trộn để phòng bệnh cho lợn, nhất là trong giai đoạn lợn con mới cai sữa, tách mẹ hoặc chuyển chuồng. Bên cạnh đó, để “giữ bí quyết” một số cửa hàng thuốc bóc nhãn bao bì thuốc: *“Có khi người ta còn bóc hết cả nhãn đi. Nó đang có nhãn, xong là nó cạo hết đi... không cho mình biết để mình tự mua, tự chữa”* (TLN nông trại, huyện Tiên Du).

3.2.3. Vai trò của hệ thống thú y địa phương

Trong hệ thống thú y hiện nay, hai nhóm có tương tác trực tiếp với người chăn nuôi là thú y viên ở các địa phương (trước đây bao gồm cộng tác viên thú y thôn xóm) và những nhân viên thú y làm việc trực tiếp ở các trang trại. Ngoài việc mua thuốc và tư vấn bởi hệ thống cửa hàng thuốc thú y, người chăn nuôi cũng tìm đến cán bộ thú y nhờ tư vấn, điều trị bệnh cho lợn: *“Những bệnh mà mình không gặp bao giờ, mình không biết thì mới gọi thú y. Còn họ thì mình tự tiêm lấy. Đôi khi nó ho nhưng sốt thì mình sợ nó ghép cái nọ cái kia, nên mình gọi thú y”* (TLN nông trại, huyện Thuận Thành). Người chăn nuôi phải trả khoản chi phí không nhỏ cho nhân viên thú y dù lợn có khỏe hay không. Thông thường chi phí này sẽ bao gồm tiền thuốc, tiền công và chi phí đi lại. Do đó, mức giá điều trị sẽ cao hơn so với người dân tự điều trị. Vì vậy, hầu hết người dân thường tự điều trị cho lợn khi bị bệnh hoặc dựa vào mối quan hệ cá nhân khác (hội hàng xóm, cửa hàng thuốc) để mua thuốc điều trị nhằm giảm chi phí chăn nuôi. Ngoài

ra, mức phí này còn dựa vào tùy từng thời điểm giá cả thị trường, mức độ bệnh tật, khoảng cách địa lý để đưa ra một mức giá phù hợp khi bác sĩ thú y điều trị. Trong 3 nhóm chăn nuôi thì nhóm chăn nuôi quy mô nhỏ và vừa là nhóm thường sử dụng dịch vụ của cán bộ thú y địa phương.

Đối với những trang trại chăn nuôi quy mô lớn, họ thường được các công ty thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y hỗ trợ bằng cách cử nhân viên kỹ thuật có trình độ chuyên môn về thú y tư vấn sử dụng thuốc kháng sinh, đổi lại người chăn nuôi phải mua sản phẩm của các công ty này. Đây là một trong những hình thức chăm sóc khách hàng của công ty thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y. Hàng tuần, những nhân viên kỹ thuật này sẽ định kỳ thăm hộ chăn nuôi để theo dõi và xem xét tình hình bệnh tật của các vật nuôi trong trại hoặc chủ trang trại gọi điện cho họ nếu có bất thường xảy ra. Khi đó, nhân viên kỹ thuật của công ty đến thăm khám, lấy mẫu xét nghiệm cho vật nuôi. Những hộ chăn nuôi lớn tự chủ, kiểm soát được vấn đề bệnh tật tốt hơn so với hộ quy mô nhỏ và trung bình. Trong nhóm này, mối quan hệ tương tác với hệ thống cán bộ thú y địa phương rất hạn chế vì họ sợ lây nhiễm dịch bệnh khi thú y đến thăm trại. *“Trại mình không bao giờ nhờ thú y địa phương để tránh lây bệnh từ trại nọ, trại kia vào”* (TLN trang trại, huyện Thuận Thành).

3.2.4. Tác động của giá cả thị trường

Thị trường là đầu ra quan trọng trong chăn nuôi và cũng là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng kháng sinh của người dân. Thực tế tìm hiểu của chúng tôi cho thấy khi giá thịt lợn lên cao, người nông dân có xu hướng dùng kháng sinh nhiều hơn với mục đích phòng và chữa bệnh cho đàn lợn nhằm đảm bảo lợi nhuận kinh tế của gia đình. Trong thời điểm đó họ sẵn sàng đầu tư, sử dụng những loại kháng sinh với mức chi phí cao. Khi giá thịt lợn xuống thấp, người chăn nuôi sử dụng rất ít kháng sinh cho lợn, đặc biệt với mục đích phòng bệnh vì làm tăng chi phí chăn nuôi. Theo khảo sát tình hình chăn nuôi lợn giai đoạn cuối năm 2017- đầu năm 2018, do giá thịt lợn xuống thấp (chỉ còn 20.000-25.000 đồng/kg) khiến người chăn nuôi bị thua lỗ quá nhiều nên đàn lợn không được chăm sóc: *“Nói chung là người ta không tiêm cho lợn do giá cả xuống thấp,*

và tôi chắc là tôi cũng thể thôi, thậm chí cho cả con lợn người ta còn không lấy nói gì mua thuốc tiêm” (Nguyễn Bá X, nông trại, Tiên Du). Theo nhiều người chăn nuôi, khi giá thịt lợn xuống quá thấp, không bù đủ chi phí, người chăn nuôi không đầu tư nhiều vào chăm sóc dinh dưỡng và thú y, lượng kháng sinh sử dụng cho lợn giảm đi rõ rệt. Họ thường không sử dụng kháng sinh với mục đích phòng bệnh nhưng đàn lợn rất ít bị bệnh dịch.

IV. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Trong bối cảnh môi trường ô nhiễm, dịch bệnh thất thường, người chăn nuôi thường sử dụng kháng sinh như là giải pháp cấp bách để phòng và trị bệnh. Tình trạng này làm gia tăng nguy cơ kháng thuốc ở mức độ cao của vi khuẩn gây bệnh và tồn dư kháng sinh trong thực phẩm. Để đảm bảo an toàn thực phẩm chăn nuôi, Việt Nam phải có những biện pháp căn cơ lâu dài. Bên cạnh việc tuyên truyền kiến thức, hướng dẫn người dân sử dụng kháng sinh thận trọng, Nhà nước cần kiểm soát chặt chẽ chất lượng kháng sinh và sản phẩm chăn nuôi trước khi bán ra thị trường. Cần có sự phối hợp giữa các cửa hàng bán thuốc và hệ thống thú y trong việc tư vấn và kiểm soát tiêu thụ kháng sinh, quản lý dịch tễ tại địa phương. Ưu tiên phát triển chăn nuôi an toàn sinh học và theo hướng hữu cơ, thực hiện theo chuỗi liên kết, bao gồm các chuỗi: doanh nghiệp – trại chăn nuôi gia công; doanh nghiệp – hợp tác xã – nông hộ. Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng quy định và giám sát sử dụng kháng sinh, điều tiết thị trường, đảm bảo đầu ra cho chăn nuôi để người nông dân có thể yên tâm sản xuất.

Lời cảm ơn: Chúng tôi trân trọng cảm ơn Tổ chức DANIDA - Đan Mạch đã tài trợ cho nghiên cứu này. Xin gửi lời cảm ơn tới Chi cục thú y tỉnh Bắc Ninh, cán bộ thú y địa phương và người chăn nuôi đã nhiệt tình hỗ trợ, chia sẻ thông tin giúp chúng tôi hoàn thành nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quyết định số 2625/QĐ-BNN-TY, 2017. Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý sử dụng kháng sinh và phòng chống kháng kháng sinh trong sản xuất chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2017-2020. <http://amr.moh.gov.vn/wp-content/uploads/2017/06/KHHD-QG-chong-khang-thuoc.pdf>. Truy cập ngày 17/7/2019.
2. Dang Pham Kim, Guy Degand, Caroline Douny, Gilles Pierret, Philippe Delahaut, Vu Dinh Ton, 2013. Preliminary evaluation of antimicrobial residue levels in marketed pork and chicken meat in the Red River. *Food and Public Health*, pp.267-276.
3. Dang Pham Kim, Claude Saegerman, Caroline Douny, Ton Vu Dinh, Bo Ha Xuan, Binh Dang Vu, Ngan Pham Hong, Marie-Louise Scippo, 2013. First survey on the use of antibiotic in pig and poultry production in the Red river Delta Region of Vietnam. *Food and Public Health*, 3(5), pp.257-256.
4. Dương Thị Toan, Nguyễn Văn Lưu, 2015. Tình hình sử dụng kháng sinh trong chăn nuôi lợn thịt, gà thịt ở một số trại chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. *Tạp chí Khoa học và phát triển*, tr.717-722.
5. Emmanuel Pannier, 2008. Phân tích mạng lưới xã hội: Các lý thuyết, khái niệm và phương pháp nghiên cứu. *Tạp chí Xã hội học*, số 4(104), tr.100-115
6. Hoàng Bá Thịnh, 2009. Vốn xã hội, mạng lưới xã hội và những phí tổn. *Tạp chí Xã hội học*, số 1, tr.42-51).
7. Mai Huy Bích, 2004. Góp phần tìm hiểu người nông dân Việt Nam thời kỳ đổi mới. *Tạp chí Xã hội học*, số 8, tr.11-25.
8. Nguyễn Văn Giáp, 2015. Thị trường chăn nuôi Việt Nam thay đổi cấu trúc để nâng cao cạnh tranh. *Nxb Hồng Đức*, Hà Nội.
9. Nguyễn Đức Chiện, 2015. Mạng lưới xã hội trong phát triển kinh tế hộ gia đình nông thôn hiện nay: Phác thảo từ kết quả nghiên cứu định tính tại hai xã đồng bằng sông Hồng. *Tạp chí Xã hội học*, tr.25-36.
10. Thuat, D. T., Tuan, N. N., An, V. T. T., Hien, L. T., Lam, V., 2002. Study on antibiotic use and antibiotic residues in pork and broiler meat of Binh Duong province. *Journal of Veterinary science and Technology*, pp.50-57./.